

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 19 - 7 - 2017

V/v tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG,
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Xuân Tạo.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Lệ Mỹ;
2. Ông Trương Hữu Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 262/2017/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2017/QĐXX-ST ngày 21 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2017/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thúy K, sinh năm: 1990.

HKTT: Ấp Đ1, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Anh Hồ Hoàng V, sinh năm 1991.

HKTT: Ấp C, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa. Bị đơn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 19/4/2017, bản tự khai ngày 28/4/2017, biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 24/5/2017, ngày 08/6/2017 và tại phiên tòa, nguyên đơn (chị K) trình bày:

Chị K và anh V tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2011, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ,

huyện D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 68, quyền số 01/2011 ngày 19/9/2011.

- Về con chung: Quá trình chung sống, chị K và anh V có 02 con chung tên Hồ Hoàng M, sinh ngày 14/3/2012 và Hồ Hoàng H, sinh ngày 26/9/2013, chị K yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung; không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung.

- Tài sản chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lý do xin ly hôn: Trong quá trình chung sống vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, không có sự quan tâm, chăm sóc nhau, sống chung không còn tình cảm, không có hạnh phúc nên đã không sống chung từ cuối năm 2013 cho đến nay. Trong thời gian không sống chung, anh V không quan tâm, thăm hỏi 02 con chung, để một mình chị K chăm sóc, nuôi dưỡng các con, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên chị K làm đơn yêu cầu xin ly hôn với anh V.

Đối với bị đơn:

Đối với bị đơn anh Hồ Hoàng V: Trong quá trình thụ lý, thu thập chứng cứ để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng và các tài liệu, chứng cứ theo quy định pháp luật để báo cho anh V biết và thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình nhưng phía anh V vẫn vắng mặt không có lý do.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70 và 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Chứng cứ, tài liệu được Hội đồng xét xử xem xét gồm:

- 01 Giấy chứng nhận kết hôn số 68, quyền số 01/2011 ngày 19/9/2011 (bản chính);
- 02 Biên bản xác minh ngày 16/5/2017 (bản chính);
- 01 Biên bản xác minh ngày 07/6/2017 (bản chính);
- 01 Biên bản xác minh ngày 20/6/2017 (bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2011, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 68, quyển số 01/2011 ngày 19/9/2011. Như vậy, quan hệ hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

[2] Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung tên Hồ Hoàng M, sinh ngày 14/3/2012 và Hồ Hoàng H, sinh ngày 26/9/2013.

[3] Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Tòa án đã cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn theo đúng quy định pháp luật nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Như vậy, bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại Điều 70 và 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Tại biên bản xác minh ngày 16/5/2017, Công an xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương xác nhận anh V có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp C, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương do cha ruột anh V tên Hồ N, sinh năm 1955 làm chủ hộ. Anh V ở cùng nhà với cha ruột và hiện nay anh V đi làm ăn ở địa phương khác nhưng thỉnh thoảng có về nhà. Như vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện D theo quy định tại Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng và các tài liệu, chứng cứ cho bị đơn thông qua ông Hồ N, sinh năm 1955 là đúng với quy định tại Khoản 5 Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hai bên để hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bị đơn không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án. Điều này cho thấy bị đơn không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

[8] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hai bên để hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bị đơn không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Điều này cho thấy bị đơn không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với nguyên đơn.

[9] Tại biên bản xác minh ngày 16/5/2017 đối với Ban lãnh đạo ấp C, xã Đ và biên bản xác minh ngày 07/6/2017 đối với ông Hồ N là cha ruột anh V cũng như tại biên bản xác minh ngày 20/6/2017 đối với bà Trần Thị Ch, sinh năm 1967 là mẹ ruột chị K đều thể hiện: Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do quá trình chung sống, hai bên không hợp tính tình và không hòa hợp lối sống

của nhau nên thường xuyên xảy ra gây gổ, cãi vã. Từ khi sinh con tên Hồ Hoàng H ngày 26/9/2013 cho đến nay, nguyên đơn và 02 con chung về sống cùng gia đình mẹ ruột ở ấp Đ1, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương. Từ khi không còn sống chung, nguyên đơn và bị đơn không gặp gỡ và không quan tâm, chăm sóc nhau, bị đơn cũng không thăm hỏi, không phụ tiền nuôi dưỡng 02 con chung. Hiện nay bị đơn đi làm ăn ở địa phương khác và thỉnh thoảng có về thăm cha ruột, bị đơn có biết nguyên đơn làm đơn xin ly hôn nhưng do ở xa, công việc bận nên không lên Tòa án giải quyết được.

[10] Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về tình nghĩa vợ chồng:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập... và lý do chính đáng khác”.

Như vậy, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung, thương yêu, quý trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình để cùng nhau nuôi dạy các con, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, bình đẳng, tiến bộ. Thế nhưng tình nghĩa vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn không đạt được những điều đó. Mặt khác, bị đơn biết nguyên đơn làm đơn xin ly hôn nhưng bị đơn không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án để đến giải quyết việc ly hôn. Như vậy, bị đơn không mong muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng với nguyên đơn. Từ lời khai của nguyên đơn, sự không thiện chí của bị đơn và kết quả xác minh cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, do vậy có căn cứ chấp nhận.

[11] Con chung: Quá trình chung sống, nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung tên Hồ Hoàng M, sinh ngày 14/3/2012 và Hồ Hoàng H, sinh ngày 26/9/2013, nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung; không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử đã phân tích, giải thích cho nguyên đơn biết về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của bị đơn theo quy định tại Khoản 2 Điều 82 và quyền của nguyên đơn theo quy định tại Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình nhưng nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con. Xét đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn nên được Tòa án ghi nhận.

Tại biên bản xác minh ngày 20/6/2017, chính quyền địa phương xác nhận nguyên đơn làm nghề cạo mủ cao su, buôn bán gà, bán trái cây, thu nhập trung bình mỗi tháng là 9.000.000 đồng (9.000.000 đồng/tháng), với mức thu nhập trên, nguyên đơn có khả năng đảm bảo được việc nuôi dưỡng 02 con. Mặt khác, hiện nay 02 con chung đang do nguyên đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, còn

bị đơn đã đi làm ăn ở địa phương khác nên tiếp tục giao 02 con chung cho nguyên đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là đảm bảo cho sự phát triển về thể chất cũng như tinh thần của 02 con chung và phù hợp với quy định tại Điều 69, 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[13] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[14] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện D là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 39, 147, 177, 227, 228, 235, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng các Điều 8, 9, 19, 56, 69, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị Thúy K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thúy K được ly hôn với anh Hồ Hoàng V.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Hồ Hoàng M , sinh ngày 14/3/2012 và Hồ Hoàng H, sinh ngày 26/9/2013 cho chị Lê Thị Thúy K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do chị Lê Thị Thúy K không yêu cầu nên anh Hồ Hoàng V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, một hoặc cả hai bên đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

- Chị Lê Thị Thúy K phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên

lai thu số AA/2016/0005197 ngày 19 tháng 4 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 19/7/2017).

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THADS huyện Dầu Tiếng;
- UBND xã Định Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Xuân Tạo